

Bản án số: 40A/2024/HS-
ST Ngày: 09/8/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY – TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng; bà Trịnh Thị Khanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Yên – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:*
Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS, ngày 21 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Đào Kim T**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 7 năm 1998, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: **Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: **Đào Kim T1**, sinh năm 1966; Con bà: **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1970; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2024, tạm giam từ ngày 16/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

2. **Phạm Văn S**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02 tháng 01 năm 1998, tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: **Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: **Phạm Văn M**, sinh năm 1975; Con bà: **Đào Thị H1**, sinh năm 1976; Vợ: **Quách Thị H2**, sinh năm 1997; Con: có 02, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2024, tạm giam từ ngày 16/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

3. **Bùi Anh H3**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 8 năm 1995, tại **xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: **Bùi Văn M1** (đã chết); Con bà: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1960; Vợ: **Hà Thị G**, sinh năm 1997; Con: có 01 sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/01/2024, tạm giam từ ngày 16/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

4. **Vũ Văn H4**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 2001, tại **xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: **Vũ Minh H5**, sinh năm 1970; Con bà: **Đinh Thị T2**, sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2024, tạm giam từ ngày 16/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ **Công an huyện C**. Bị cáo có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà **Đinh Thị T2**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có mặt.

+ **Phạm Văn M**, sinh năm 1975; địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có mặt.

+ **Đào Kim T1**, sinh năm 1966; địa chỉ: **Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; có mặt.

+ **Vũ Quang H6**, sinh năm 1998; địa chỉ: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 09/01/2024 **Phạm Văn S** trên đường đi chơi thì gặp **Bùi Anh H3**. Tại đây, **Bùi Anh H3** rủ **Phạm Văn S** mua ma túy để sử dụng, sau đó cả hai vào nhà anh **Nguyễn Văn S1**, trú tại: **L, xã C** để uống rượu. Trong lúc đang uống rượu thì **Phạm Văn S** có rủ **Đào Kim T** cùng góp tiền mua ma túy sử dụng. **Đào Kim T** đồng ý và góp 220.000đ, **Bùi Anh H3** góp 600.000đ. Sau đó **Phạm Văn S** gọi điện thoại cho **Vũ Văn H4** hỏi mua ma túy. **Vũ Văn H4** đồng ý bán cho **Phạm Văn S** 07 viên ma túy hồng phiên với giá 720.000đ và hẹn địa điểm giao tại khu vực Đập Hai Dòng thuộc **thôn T, xã C, C, Thanh Hóa**. Sau đó **Bùi Anh H3** điều khiển xe máy chở **Phạm Văn S** đến địa

điểm hẹn mua ma túy. Khi đi **Phạm Văn S** có hỏi địa điểm sử dụng ma túy để hẹn **Đào Kim T** thì **Bùi Anh H3** chỉ định địa điểm sử dụng ma túy tại khu vực công nước thuộc **thôn L, xã C**. Sau khi mua được ma túy, **Bùi Anh H3** điều khiển xe máy chở **Phạm Văn S** quay về. Đến **siêu thị T6, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** thì **Bùi Anh H3** dừng lại, đi vào siêu thị mua 01 chai nước trà xanh không độ, 01 cuộn giấy bạc và 01 chiếc bật lửa, **Phạm Văn S** xin 01 chiếc ống hút bằng nhựa để chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó, **Phạm Văn S** điều khiển xe máy chở **Bùi Anh H3** về **thôn L, xã C**, thì gặp **Đào Kim T** đang đợi. Tại đây, **T** sau khi uống hết nước trong chai trà xanh không độ thì dùng điều thuốc lá đang hút để đục lỗ trên thân chai và cắm ống hút nhựa vào để làm điều hút sử dụng ma túy. **H3** lấy nước để đổ vào điều hút. Sau đó, **S** xé một mảnh giấy bạc và đặt viên ma túy hồng phien lên trên, **T** dùng bật lửa đốt phía dưới để viên ma túy hồng phien tan chảy và bay lên làn khói trắng, **S** dùng điều hút khói đó vào cơ thể. Sau đó, **S** lại đốt ma túy cho **T** và **H3** sử dụng theo cách tương tự. Bị cáo **S** lần lượt bỏ từng viên ma túy tổng hợp vào giấy bạc để đốt và các bị cáo **S, H3, T** lần lượt thay nhau để hút ma túy. Sử dụng hết 06 viên ma túy hồng phien thì **S** cắt 01 viên ma túy hồng phien lại và nói là đã sử dụng hết ma túy thì bị cáo **S, T, H3** dừng lại và dọn dẹp, ném dụng cụ vừa sử dụng xuống công nước. Sau đó các bị cáo điều khiển xe máy đi về, bị cáo **H3** điều khiển xe máy đi về trước. Bị cáo **S** và **T** đi về sau, trên đường đi về thì **S** nói với **T** là vẫn còn một viên ma túy hồng phien và rủ **T** tiếp tục sử dụng. **T** đồng ý và hẹn địa điểm sử dụng chất ma túy tại đập Vùng Độ thuộc **thôn T, xã C**. Trên đường đi **S** nhặt chai nhựa và bẻ cuống lá đu đủ đưa cho **T** để **T** đục lỗ trên thân chai, ngắt cuống lá đu đủ cho vào lỗ trên thân chai để làm điều hút. Sau đó **S** lấy viên ma túy còn lại ra, đặt lên trên mảnh giấy bạc và sử dụng bật lửa đốt phía dưới cho viên ma túy hồng phien tan chảy và khói bay lên để **T** sử dụng điều hút khói đó vào cơ thể. Sau đó **T** lại đốt cho **S** hút theo cách tương tự, lần lượt đến khi hết viên ma túy hồng phien thì dừng lại và dọn dẹp, vứt dụng cụ vừa sử dụng ma túy xuống đập. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, tổ tuần tra của **Công an huyện C** phối hợp với tổ tuần tra của **Công an xã C** tiến hành tuần tra trên địa bàn **xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** thì phát hiện **T** đang ở khu vực đập Vùng Độ có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ tuần tra đã yêu cầu kiểm tra hành chính đối với **Đào Kim T**. **Đào Kim T** đã xin tự nguyện khai báo toàn bộ hành vi tổ chức sử dụng ma túy cùng bị cáo **S** và hành vi tổ chức sử dụng ma túy trước đó cùng với **S** và **H3**.

Ngày 10/01/2024, Cơ quan Công an triệu tập **Phạm Văn S** và **Bùi Anh H3** đến trụ sở **Công an xã C** để làm rõ nội dung sự việc. **Phạm Văn S** và **Bùi Anh H3** đã xin đầu thú tự nguyện khai báo toàn bộ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình xảy ra ngày 09/01/2024, đồng thời khai nguồn gốc ma túy có được là do mua của **Vũ Văn H4**.

Ngày 13/01/2024, Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Vũ Văn H4**, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 3682-409.56, số khung: CY889668, số

máy: C64889587 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 098729 cấp cho xe mô tô biển số 36B2-409.56, tên chủ xe **Đinh Thị T2**. Đến chiều cùng ngày, **Vũ Văn H4** xin được đầu thú về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” cho **Phạm Văn S**.

Vật chứng thu giữ:

- 01 vỏ chai nhựa màu trắng: 01 (một) nhánh cây rồng bên trong (cuống lá cây đu đủ), thu của **Đào Kim T**.

- 01 vỏ chai nhựa màu trắng; 01 (một) ống hút màu xanh trắng; 01 (một) mảnh giấy bạc trắng đen đã bị đốt cháy xém thu của **Bùi Anh H3**.

- 01 túi giấy ký hiệu “G”, bên trong có chứa 01 (một) cuộn giấy bạc màu trắng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu bạc, lắp sim số 0376.487.137, đã qua sử dụng thu của **Đào Kim T**.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu trắng, lắp sim số 034.545.3836, đã qua sử dụng, thu của **Bùi Anh H3**.

- 01 bật lửa gas màu xanh, vỏ bằng nhựa (bật lửa đã qua sử dụng) thu của **Đào Kim T**.

Tại kết luận giám định số: 184/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận:

- *Tìm thấy chất ma túy, Loại: Methamphetamine bám dính trên các đồ vật của hộp cát tông, ký hiệu C1. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.*

- *Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine bám dính trên các đồ vật của hộp cát tông, ký hiệu C2. Không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.*

Tại bản kết luận giám định số: 185/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của **Phòng K Công an tỉnh T** kết luận: *Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong mẫu nước tiểu thu của **Đào Kim T3**, **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3** gửi đến giám định.*

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển số 36B2-409.56, qua điều tra xác minh thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà **Đinh Thị T2** (là mẹ đẻ của **Vũ Văn H4**). Ngày 09/01/2024 **Vũ Văn H4** mượn xe của bà **Đinh Thị T2** với mục đích để đi chơi với bạn, việc **Vũ Văn H4** sử dụng chiếc xe nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội bà **Đinh Thị T2** không biết và không liên quan. Do đó, Cơ quan CSĐT **Công an huyện C** trả lại chiếc xe trên cho bà **T2**.

Đối với chiếc xe mô tô, BKS 36L1.002.25 mà bị cáo **T** đi để sử dụng ma túy. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông **Đào Kim T1**, bị cáo **T** sử dụng xe để sử dụng ma túy thì ông **T1** không biết. Do đó, trả lại cho ông **T1**.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển số 36L1-120.40 mà bị cáo **S** sử dụng để tham gia tổ chức sử dụng ma túy. Đây là chiếc xe thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông **Phạm Văn M**, bị cáo **S** sử dụng xe để đi đến địa điểm sử dụng ma túy thì ông **M** không biết. Do đó, trả lại cho ông **M**.

Đối với sim điện thoại số 0867.402.130 và tài khoản ngân hàng số 19071820817015 của **ngân hàng T7** tên đăng ký sim điện thoại và tài khoản ngân hàng là anh **Vũ Quang H6**. Do bị cáo **H4** bị mất Căn cước công dân không đăng ký sim và tài khoản được nên **H6** đã đăng ký cho bị cáo **H4** sử dụng. Việc bị cáo **H4** sử dụng vào mục đích gì anh **H6** không biết. Do đó, không có cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh **H6**.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSCT, ngày 19/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, truy tố bị cáo **Đào Kim T**, **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Bị cáo **Vũ Văn H4** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nay các bị cáo biết hành vi tàng trữ, mua bán ma túy của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b (đối với **H3**), điểm a, b (đối với **S**, **T**) khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 đối với Thức); khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo **Vũ Văn H4**); Điều 17; Điều 38; Điều 47; (Điều 54 đối với bị cáo **T**); Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; Điểm đ Điều 12 (đối với bị cáo **H4**) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo **Đào Kim T**, **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo **Vũ Văn H4** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Lên mức hình phạt đối với bị cáo **Đào Kim T** từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; Bị cáo **Phạm Văn S** từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; Bị cáo **Bùi Anh H3** từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; Bị cáo **Vũ Văn H4** 02 năm đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 255 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Về tang vật của vụ án: Các mẫu vật là vật chứng thu giữ của các bị cáo mang đi giám định là công cụ các bị cáo sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hai chiếc điện thoại thu của **Đào Kim T** và **Bùi Anh H3**, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 720.000đ tiền của bị cáo **H4** mua bán ma túy mà có, đề nghị truy thu sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện C**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về yêu cầu trợ giúp pháp lý: Bị cáo **Bùi Anh H3** thuộc hộ cận nghèo, nhưng không yêu cầu trợ giúp pháp lý. Do đó, HĐXX không yêu cầu Trợ giúp pháp lý tham gia bào chữa cho bị cáo. Bị cáo đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo **Đào Kim T**, **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3**, **Vũ Văn H4** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người làm chứng, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 09/01/2024 tại **thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**, bị cáo **Đào Kim T**, **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3** có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cùng ngày bị cáo **Phạm Văn S**, **Bùi Kim T4** tiếp tục cùng nhau sử dụng ma túy tại **Vùng Đ thuộc thôn T, xã C**; bị cáo **Vũ Văn H4** có hành vi bán 07 (bảy) viên ma túy hồng phiến với 720.000đ (bảy trăm hai mươi nghìn đồng) nhằm mục đích kiếm lời cho **Phạm Văn S** và **Bùi Anh H3**. Hành vi của các bị cáo **Bùi Anh H3** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Phạm Văn S**, **Bùi Kim T4** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 điều 255 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo **Vũ Văn H4** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã

hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra, áp dụng hình phạt nghiêm là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Đối với **Bùi Anh H3**, **Phạm Văn S**, **Đào Kim T**. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là bột phát, không có sự phân công, bàn bạc, tổ chức từ trước, do đó đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo **H3** là người khởi xướng, thực hành tích cực và cùng **S** đi mua ma túy, do đó bị cáo có vai trò cao nhất. Bị cáo **S** là người rủ bị cáo **T** sử dụng ma túy và là người thực hành tích cực cùng **H3** đi mua ma túy, liên hệ người mua ma túy, do đó **S** có vai trò thứ hai, sau **H3**. Bị cáo **Đào Kim T** bị **S** rủ rê và là người thực hành do đó có vai trò thứ yếu, sau cùng.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ s khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo **Đào Kim T** sau khi bị Lực lượng Công an kiểm tra hành chính đã tự nguyện khai báo hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình với các bị cáo **H3** và **S**, trong khi chưa có căn cứ cũng như chưa có ai biết bị cáo và các bị cáo khác có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là Tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Việc bị cáo tự thú và khai ra hành vi phạm tội của các bị cáo khác đã giúp cho cơ quan điều tra mở rộng vụ án, góp phần tích cực vào việc kịp thời ngăn chặn và phát hiện tội phạm, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm trên địa bàn. Ngoài ra bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự hai năm; hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Ông, bà nội bị cáo là người có công với cách mạng. Ông nội của bị cáo là **Đào Kim Đ** đã từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Bà nội là **Lê Thị Đ1** đã từng tham gia dân công hỏa tuyến và được hưởng chế độ của nhà nước theo quy định; gia đình bị cáo đã tích cực ủng hộ Quỹ vì người nghèo (có biên lai thu nộp); Chính quyền địa phương đã xác nhận quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội. Do đó bị cáo **T** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.2]. Bị cáo **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3**, **Vũ Văn H4** sau khi thực hiện hành vi phạm tội, biết là không thể giấu được nên đã tự nguyện ra đầu thú.

Bị cáo **S** gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), thuộc gia đình có công với cách mạng, ông nội tham gia kháng

chiến chống Mỹ và được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bà nội tham gia dân công hỏa tuyến và được hưởng chế độ chính sách của nhà nước.

Bị cáo **H3** gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương). Bố bị cáo là ông **Bùi Văn M1** là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến chống Mỹ, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Do đó, các bị cáo **S**, **H3** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo. HĐXX xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo **T** có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đồng phạm với vai trò thứ yếu, do đó, đủ điều kiện áp dụng Điều 54 để lên mức hình phạt dưới khung hình phạt. Bị cáo **Phạm Văn S**, **Bùi Anh H3**, **Vũ Văn H4** phạm tội lần đầu, do bột phát, tuổi đời còn trẻ, nhân thân tốt do đó, cũng cần cân nhắc để lên mức hình phạt phù hợp, vừa đảm bảo tính răn đe, trừng trị cũng phải đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật, để tạo điều kiện cho các bị cáo có động lực cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Các mẫu vật gửi giám định là vật chứng thu giữ của các bị cáo đã được niêm phong mang đi giám định là công cụ các bị cáo sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hai chiếc điện thoại thu của **Đào Kim T** và **Bùi Anh H3**, đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do đó tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với điện thoại của bị cáo **Phạm Văn S** và bị cáo **Vũ Văn H4**, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã làm mất trên đường đi về, nên không truy tìm, thu giữ được, do đó không xem xét.

Đối với số tiền 720.000đ tiền là tiền thu lời bất chính của bị cáo Hoàng bán ma túy mà có, do đó truy thu sung ngân sách nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo **Phạm Văn S**, **Đào Kim T**, **Vũ Văn H4** phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo **Bùi Anh H3** thuộc hộ cận nghèo, do đó bị cáo được miễn án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255 (đối với bị cáo **Phạm Văn S**, **Đào**

Kim T), điểm b khoản 2 Điều 255 (đối với bị cáo Bùi Anh H3), khoản 1 Điều 251 (đối với bị cáo Vũ Văn H4) điểm s khoản 1 (điểm r khoản 1 đối với Đào Kim T), khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; khoản 1 Điều 47; (Điều 54 đối với bị cáo Đào Kim T); Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, (điểm đ khoản 1 Điều 12 đối với bị cáo Bùi Anh H3) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Kim T, Phạm Văn S, Bùi Anh H3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Vũ Văn H4 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Bị cáo Đào Kim T 04 (Bốn) năm 06 (S2) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024.

Bị cáo Phạm Văn S 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024.

Bị cáo Bùi Anh H3 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2024.

Bị cáo Vũ Văn H4 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2024

Về tang vật của vụ án:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy:

+ 01 hộp giấy ký hiệu T1, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký Nguyễn Trần Đ2, Trần Thị Thúy H7, Bùi Văn H8 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T;

- 01 hộp giấy ký hiệu T2, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký Nguyễn Trần Đ2, Trần Thị Thúy H7, Bùi Văn H8 và các hình dấu của Phòng K Công an tỉnh T;

- 01 túi giấy ký hiệu “G”, được dán kín, đóng dấu niêm phong bởi các hình dấu của Công an xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và các chữ ký Trịnh Ngọc D, Nguyễn Quốc T5, Lê Văn H9, Trương Thanh B1, Cao Như H10, Bùi Văn H8, Bùi Anh H3.

- 01 phong bì ký hiệu “L” được dán kín, niêm phong bởi các hình dấu của Công an xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và các chữ ký Trịnh Ngọc D, Nguyễn Quốc T5, Lê Văn H9, Trương Thanh B1, Cao Như H10, Đào Kim T.

- Tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu bạc, lắp sim số 0376.487.137, đã qua sử dụng, thu của Đào Kim T, đã được niêm phong ký hiệu Đ11.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, lắp sim 0345.453.836, đã qua sử dụng, thu của **Bùi Anh H3**, được niêm phong ký hiệu Đ12.

(Các tang vật trên hiện đang được lưu kho tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, theo biên bản giao nhận tang vật ngày 26/6/2024).

Tuyên truy thu của bị cáo **Vũ Văn H4** số tiền 720.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo **Đào Kim T**, **Phạm Văn S**, **Vũ Văn H4**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. Bị cáo **Bùi Anh H3** được miễn toàn bộ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung